

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH
TÂN

TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Thuận

Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/9/1983 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Kim P; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đức D là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V. (Có mặt)

Bị hại: Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1955. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/7/1976. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H là hàng xóm với nhau. T thường đến nhà chơi và lấy thuốc lá của chồng bà H để hút.

Khoảng 01 giờ ngày 23/4/2024, T thêm thuốc hút nên lợi sông đến nhà bà H nhìn thấy cửa sau nhà bà H đang mở nên T đi vào nhà và đi thẳng ra nhà trước mở hộp tủ thờ lấy 01 điều thuốc lá hiệu Hero đốt hút. T vừa hút thuốc vừa đi đến trước cửa phòng ngủ của bà H thì thấy cửa phòng mở, do có ánh sáng đèn của nhà kế bên chiếu sáng nên T nhìn thấy bà H mặc đồ bộ bằng thun đang nằm ngủ trên giường phía bên ngoài cùng với cháu ngoại là em Phạm Quốc T1.

Lúc này, T nảy sinh ý định giao cấu với bà H nên bỏ điều thuốc lá đang hút ở cửa sau rồi đi vào phòng ngủ của bà H dùng tay kéo mùng lên, thò đầu vào trong mùng, hôn vào bên ngoài quần ngay vùng âm hộ của bà H. T thấy bà H nằm im không phản ứng nên bước chân phải qua người còn chân trái đứng dưới nền gạch dùng 2 tay kéo quần dài của bà H xuống khoảng 10 cm làm quần lót của bà H lộ ra. Khi này, bà H thức dậy hỏi: “Ai vậy, đi ra ngoài đi” thì T không kéo quần của bà H xuống nữa. T nhìn thấy trên cổ của bà H có đeo sợi dây chuyền nên T dùng tay giật lấy rồi nhanh chóng bỏ chạy rồi lợi sông về nhà và làm rớt mất sợi dây chuyền ở dưới sông. Bà H phát hiện T là người giật lấy sợi dây chuyền nên cùng gia đình tìm kiếm T. Sau đó, bà đến Công an xã T trình báo sự việc.

Qua điều tra, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi giật lấy sợi dây chuyền vàng của bà H như đã nêu trên. (Bl: 82, 83, 129-142)

Cơ quan điều tra xác định sợi dây chuyền T giật của bà H là vàng 18K trọng lượng 3,1 chỉ, có mặt bằng cẩm thạch màu xanh bọc vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ nên đã trưng cầu định giá tài sản.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 05/KLĐGTS ngày 26/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận: *01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3,1 chỉ, có mặt bằng cẩm thạch màu xanh bọc vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ, có giá trị là 18.000.000 đồng* (BL: 23, 24).

Xét thấy hành vi T lợi dụng lúc bà H ngủ, đã có hành vi hôn vào vùng kín và cởi quần của bà H nhằm để thực hiện hành vi giao cấu với bà H. Hành vi của T cấu thành tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự nhưng bà H đã làm đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự nên không xử lý T về hành vi này. (BL: 77)

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh được như sau:

- Đối với 01 cái quần ngắn màu đen, 01 cái áo thun ngắn tay màu xám thu của T mặc vào ngày cướp giật tài sản, T không yêu cầu nhận lại.

- Đối với 01 cái áo thun ngắn tay, 01 cái quần thun loại ống dài, 01 cái quần lót màu đen thu của bà H thì bà không yêu cầu nhận lại.

Đối với 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3,1 chỉ, có mặt bằng cẩm thạch màu xanh bọc vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ, T cướp giật của bà H đã làm rớt mất khi lợi qua sông. Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu T bồi thường giá trị sợi dây chuyền với số tiền là 18.000.000 đồng. T đồng ý bồi thường nhưng đến nay chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSBT ngày 29/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc hộ gia đình cận nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

Bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18 triệu đồng, bị cáo đồng ý. Do đó, đề nghị buộc bị cáo bồi thường số tiền trên cho bà H.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 cái áo thun ngắn tay, 01 cái quần thun ông dãi, 01 cái quần lót màu đen của bà H đề nghị tịch thu tiêu hủy vì bà không yêu cầu nhận lại.

Đối với 01 cái áo thun ngắn tay màu xám, 01 cái quần ngắn màu đen của bị cáo đề nghị tịch thu tiêu hủy vì bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo vì thuộc hộ cận nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Tuy nhiên, cần xem xét thêm các tình tiết như bản thân bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có ông ngoại tham gia cách mạng và bị cáo đã từng tham gia quân dân tự vệ tại địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình cho bị cáo và xử phạt bị cáo 01 năm tù là đủ răn đe, giáo dục.

Bị cáo thống nhất theo lời bào chữa, không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa:

Bà H trình bày: Bà yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18 triệu đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với hành vi hiếp dâm của bị cáo, bà không yêu cầu xử lý hình sự.

Ông B trình bày: Ông không ý kiến.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì đã biết sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 23/4/2024 tại tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo đến nhà bà H rồi nảy sinh ý định giao cấu nhưng không thực hiện được. Sau đó bị cáo đã thực hiện hành vi giật lấy sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3,1 chỉ có mặt bằng cẩm thạch màu xanh bọc vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ của bà H đang đeo trên cổ.

Kết luận định giá tài sản xác định: *01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3,1 chỉ, có mặt bằng cẩm thạch màu xanh bọc vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị là 18.000.000 đồng.*

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm ...”.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong bản cáo trạng số 45/CT-VKSBT ngày 29/7/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Chính vì vậy cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, xét bị cáo không có việc làm, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc hộ gia đình cận nghèo nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18 triệu đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền trên.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 cái áo thun ngắn tay, 01 cái quần thun ông dãi, 01 cái quần lót màu đen của bà H cần tịch thu tiêu hủy vì bà không yêu cầu nhận lại.

Đối với 01 cái áo thun ngắn tay màu xám, 01 cái quần ngắn màu đen của bị cáo cần tịch thu tiêu hủy vì bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Lưu hồ sơ 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo.

[7] Xét lời trình bày của người bào chữa là có căn cứ nên được chấp nhận một phần là áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo vì thuộc hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 23/4/2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo thun ngắn tay, 01 cái quần thun ông dài, 01 cái quần lót màu đen; 01 cái áo thun ngắn tay màu xám, 01 cái quần ngắn màu đen.

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

5. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- Công an H. Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Thành Lợi
- Bị cáo và đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hùng